***Chương III***

**VIEÄT NAM TÖØ NAÊM 1945 ÑEÁN NAÊM 1954**

***Bài 17***

**NÖÔÙC VIEÄT NAM DAÂN CHUÛ COÄNG HOØA TÖØ SAU 2/9/1945 ÑEÁN TRÖÔÙC 19/12/1946**

**I. TÌNH HÌNH NƯỚC TA SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945:**

**1. Khó khăn:** Nước Việt Nam DCCH vừa ra đời phải đối mặt với muôn vàn khó khăn:

* Quân Đồng minh với danh nghĩa giải giáp quân Nhật kéo vào nước ta.
* Ở phía Bắc vĩ tuyến 16, gần 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc cùng bọn tay sai (Việt Quốc, Việt Cách) kéo vào, gây khó khăn nhiều mặt.
* Ở phía Nam vĩ tuyến 16, quân Anh tạo điều kiện cho Pháp quay trở lại xâm lược. Bọn phản động trong nước ngóc đầu dậy, chống phá cách mạng.
* Chính quyền cách mạng còn non trẻ, lực lượng vũ trang còn non yếu.
* Kinh tế:
  + Nông nghiệp: lạc hậu, bị chiến tranh tàn phá nặng nề, nạn đói cuối 1944 đầu 1945 chưa khắc phục được, lụt lội hạn hán kéo dài.
  + Công nghiệp: nhiều xí nghiệp trong tay Pháp, cơ sở công nghiệp chưa phục hồi, hàng hóa khan hiếm, giá cả tăng vọt 🡢 đời sống nhân dân khó khăn.
* Ngân sách Nhà nước trống rỗng. Chính quyền cách mạng chưa quản lí được Ngân hàng Đông Dương, quân THDQ lại tung ra các loại tiền mất giá 🡢 tài chính rối loạn.
* Hơn 90% dân số không biết chữ, nhiều tệ nạn xã hội.

🡪 ***Đất nước đứng trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”.***

**2. Thuận lợi:**

* Nhân dân ta giành quyền làm chủ, bước đầu được hưởng tự do nên rất phấn khởi, gắn bó với chế độ.
* Cách mạng nước ta có Đảng, đứng đầu là chủ tịch HCM sáng suốt lãnh đạo.
* Hệ thống XHCN đang hình thành, phong trào giải phóng dân tộc dâng cao, phong trào đấu tranh vì hòa bình, dân chủ phát triển ở nhiều nước tư bản.

**II. BƯỚC ĐẦU XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, GIẢI QUYẾT NẠN ĐÓI, NẠN DỐT VÀ KHÓ KHĂN VỀ TÀI CHÍNH:**

**1. Xây dựng chính quyền cách mạng:**

***a. Về chính trị:***

* 6/1/1946, cả nước tiến hành tổng tuyển cử bầu quốc hội, bầu ra 333 đại biểu tượng trưng cho khối đoàn kết toàn dân tộc. Lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc, dân ta được thực hiện quyền công dân.
* 2/3/1946, quốc hội họp phiên đầu tiên, thông qua danh sách *Chính phủ liên hiệp kháng chiến* (Chính phủ chính thức) do HCM đứng đầu và lập ra *Ban dự thảo Hiến pháp*.
* 9/11/1946, Quốc hội thông qua Hiến pháp nước Việt Nam DCCH.
* Sau bầu cử Quốc hội, ở Bắc Bộ và Trung Bộ tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp và thành lập Ủy ban hành chính các cấp.

***b. Về quân sự****:* lực lượng vũ trang được chú trọng xây dựng.

* *Vệ quốc đoàn* được đổi thành *Quân đội Quốc gia Việt Nam* (5/1946). [*Việt Nam giải phóng quân* đổi thành *Vệ quốc đoàn* (9/1945)].
* Lực lượng dân quân, tự vệ được củng cố, phát triển.

**2. Giải quyết nạn đói:**

* Biện pháp cấp thời: tổ chức quyên góp, điều hòa thóc gạo giữa các địa phương trong cả nước, nghiêm trị những kẻ đầu cơ tích trữ gạo, Bác Hồ kêu gọi nhân dân “nhường cơm sẻ áo”, lập “Hũ gạo cứu đói”, tổ chức Ngày Đồng tâm…
* Biện pháp căn bản lâu dài: Bác Hồ kêu gọi tăng gia sản xuất, “Tấc đất tấc vàng”, … Ra lệnh bãi bỏ thuế thân, các thứ thuế vô lí, giảm tô 25%, tạm cấp ruộng đất bỏ hoang cho nông dân, chia lại ruộng đất công.

🡢 Sản xuất nông nghiệp nhanh chóng được phục hồi, nạn đói dần dần bị đẩy lùi.

**3. Giải quyết nạn dốt:**

* Ngày 8/9/1945, Chủ tịch HCM kí Sắc lệnh thành lập *Nha Bình dân học vụ*. Kêu gọi nhân dân cả nước tham gia phong trào xóa nạn mù chữ.

🡢 Trong một năm, đã xóa mù chữ cho hơn 2,5 triệu người.

* Trường học các cấp phổ thông, đại học được khai giảng sớm với nội dung và phương pháp học bước đầu được đổi mới theo tinh thần dân tộc dân chủ.

**4. Giải quyết khó khăn về tài chính:**

* Chính phủ kêu gọi tinh thần tự nguyện đóng góp.
* Nhân dân hưởng ứng cuộc vận động xây dựng “Quỹ độc lập”, phong trào “Tuần lễ vàng”… 🡪 Kết quả: quyên góp được 370 kg vàng, 20 triệu đồng vào Quỹ độc lập.
* 23/11/1946, Quốc hội quyết định lưu hành tiền Việt Nam trong cả nước (thay cho tiền ĐDương của Pháp).

**III. ĐẤU TRANH CHỐNG NGOẠI XÂM VÀ NỘI PHẢN, BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CM:**

**A. Sách lược của ta đối với Pháp và Trung Hoa dân quốc trước ngày 6/3/1946: *Hòa hoãn tránh xung đột với Trung Hoa Dân quốc, tập trung đánh Pháp ở Nam Bộ.***

**1. Kháng chiến chống thực dân pháp trở lại xâm lược ở Nam Bộ**

***a. Nguyên nhân:***Do dã tâm của Pháp muốn trở lại xâm lược nước ta

* Ngay khi quân Nhật đầu hàng, Pháp đã thành lập đạo quân viễn chinh sang Đông Dương.
* 2/9/1945, khi nhân dân Sài Gòn – Chợ Lớn mít tinh mừng ngày độc lập, thực dân Pháp xả súng vào đoàn mít tinh (47 người chết).
* 6/9/1945, quân Anh đến Sài Gòn, yêu cầu ta giải tán lực lượng vũ trang, thả hết tù binh Pháp, chiếm đóng nhiều nơi quan trọng trong thành phố.
* Đêm 22 rạng sáng 23/9/1945, Pháp đánh úp Ủy ban nhân dân Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn, mở đầu cuộc xâm lược Việt Nam lần 2.

***b. Diễn biến:***

* Quân dân Sài gòn – Chợ Lớn và Nam Bộ nhất tề nổi dậy chống Pháp, đốt cháy tàu Pháp, đánh phá kho tàng,… Nhân dân phá nguồn tiếp tế của địch, không hợp tác với chúng, dựng chướng ngại vật và chiến lũy trên đường phố, cắt điện nước,… bao vây quân Pháp trong thành phố.
* Từ 10/1945, quân Pháp được tăng viện, mở rộng đánh chiếm Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ.
* TW Đảng, Chính phủ, Chủ tịch HCM quyết tâm lãnh đạo kháng chiến, huy động cả nước chi viện cho miền Nam, gửi những đoàn quân “*Nam tiến*” vào Nam chiến đấu và quyên góp (tiền, gạo, quần áo, thuốc men,…) ủng hộ đồng bào miền Nam kháng chiến.

**2. Đấu tranh với quân Trung Hoa Dân Quốc và bọn phản cách mạng ở miền Bắc:**

***a. Chủ trương của Đảng, Chính phủ:*** Để tránh trường hợp đối phó với nhiều kẻ thù cùng một lúc, ta tạm hòa hoãn, tránh xung đột với quân Trung Hoa Dân Quốc.

***b. Biện pháp:***

* Quốc hội khóa I đồng ý:
* Về chính trị: ta nhường cho các đảng Việt Quốc, Việt Cách 70 ghế trong Quốc hội, 4 ghế bộ trưởng và 1 chức phó chủ tịch nước (không qua bầu cử).
* Về kinh tế: ta nhượng một số quyền lợi như cung cấp một phần lương thực thực phẩm, phương tiện giao thông, cho phép lưu hành tiền Trung Quốc trên thị trường.
* Để giảm bớt sức ép công kích của kẻ thù, Đảng ta tuyên bố “tự giải tán” (11/11/1945), nhưng thực chất Đảng rút vào hoạt động bí mật.
* Đối với các tổ chức phản cách mạng, tay sai của Trung Hoa Dân Quốc, ta kiên quyết vạch trần âm mưu phá hoại, chia rẽ, và trừng trị theo pháp luật.

***c. Ý nghĩa***: đã hạn chế đến mức thấp nhất các hoạt động chống phá của quân Trung Hoa Dân Quốc và tay sai, làm thất bại âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng của chúng.

**B. Sách lược của ta từ ngày 6/3/1946:** ***Hòa hoãn với Pháp nhằm đẩy quân THDQ ra khỏi nước ta.***

**1. Hoàn cảnh lịch sử:**

* Sau khi chiếm đóng các đô thị miền Nam, Pháp thực hiện kế hoạch tiến công ra Bắc nhằm thôn tính cả nước ta 🡢 Pháp điều đình với Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc và kí *Hiệp ước Hoa – Pháp* (28/2/1946) với nội dung:
* Pháp trả lại cho Trung Hoa Dân Quốc các tô giới của Pháp ở Trung Quốc…
* Trung Hoa Dân Quốc cho Pháp đưa quân ra Bắc, thay họ làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật.
  + Hiệp ước Hoa – Pháp đặt nhân dân trước hai lựa chọn: hoặc là đánh Pháp, hoặc là hòa hoãn với Pháp

🡢 Đảng ta đã chọn giải pháp “*hòa để tiến*”: hòa hoãn với Pháp đê đẩy nhanh quân THDQ ra khỏi nước ta.

* + Ngày 6/3/1946, Chủ tịch HCM đã kí với đại diện Chính phủ Pháp là Xanhtơni bản *Hiệp định Sơ bộ*.

**2. Nội dung Hiệp định Sơ bộ 6/3/1946:**

* + Pháp công nhận Việt Nam là một ***quốc gia tự do*** nằm trong khối liên hiệp Pháp.
  + Việt Nam cho phép Pháp đem 15.000 quân ra miền Bắc thay quân THDQ và phải rút dần trong 5 năm.
  + Hai bên ngừng xung đột vũ trang ở miền Nam chuẩn bị cho đàm phán chính thức.

**🡢 *Ý nghĩa của Hiệp định Sơ bộ:***

* + Tránh được cuộc chiến đấu bất lợi vì phải chống lại nhiều kẻ thù cùng một lúc.
  + Đẩy được 20 vạn quân Trung Hoa Dân Quốc cùng bọn tay sai ra khỏi nước ta.
  + Có thêm thời gian hòa bình để củng cố chính quyền CM, chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến lâu dài.

**3. Tạm ước Việt – Pháp 14/9/1946:**

* + - Sau khi kí Hiệp định Sơ bộ, Pháp tiếp tục vi phạm, ta kiên quyết đấu tranh. Đàm phán chính thức thất bại, quan hệ Việt – Pháp căng thẳng.
    - Ngày 14/9/1946, chủ tịch HCM kí *Tạm ước Việt – Pháp* nhường thêm một số quyền lợi về kinh tế, văn hoá cho Pháp. Tạo điều kiện cho ta kéo dài thời gian hòa hoãn để xây dựng, củng cố lực lượng, chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến không thể tránh khỏi.

**IV. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM: Chọn câu trả lời duy nhất đúng**

**Câu 1.** Sau Cách mạng tháng Tám, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

A. đứng trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”. B. phục hồi và phát triển kinh tế nhanh chóng.

C. khắc phục được nạn đói cuối năm khủng khiếp. D. nâng cao đời sống nhân dân.

**Câu 2.** Thuận lợi căn bản của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau Cách mạng tháng Tám là gì?

A. Đất nước độc lập, nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Hồ Chủ tịch.

B. Được sự ủng hộ của nhân dân Pháp và nhân dân thế giới.

C. Được sự ủng hộ của Liên Xô, Trung Quốc và các nước XHCN.

D. Phong trào cách mạng thế giới phát triển mạnh, thúc đẩy cách mạng Việt Nam tiến lên.

**Câu 3.** Lực lượng thay mặt quân Đồng minh giải giáp quân phiệt Nhật ở Bắc vĩ tuyến 16 là

A. quân Anh. B. quân Pháp. C. quân Trung Hoa Dân Quốc*.* D. quân Mĩ.

**Câu 4.** Lực lượng nào thay mặt quân Đồng minh giải giáp quân Nhật ở Nam vĩ tuyến 16?

A. quân Anh. B. quân Pháp. C. quân Trung Hoa Dân Quốc*.* D. quân Mĩ.

**Câu 5**. Lý do nào làm tài chính nước ta đang gặp khó khăn lại càng rối loạn sau cách mạng tháng 8/1945?

A. Sau chiến tranh các cơ sở công nghiệp chưa được phục hồi, hàng hóa khan hiếm.

B. Nạn đói chưa được giải quyết, vỡ đê, mất mùa làm cho kinh tế ngày càng khó khăn.

C. Quân Trung Hoa Dân Quốc tung tiền mất giá, buộc ta phải bán lương thực*.*

D. Sau khi cách mạng ta không tiếp quản được Ngân hàng Đông Dương.

**Câu 6**. Những khó khăn tài chính mà nước ta gặp phải sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 là

A. ngân khố trống rỗng, tài chính hỗn loạn, nhà nước chưa quản lí được ngân hàng Đông Dương.

B. quân Trung Hoa Dân Quốc bắt ta phải bán lương thực, hàng hóa khan hiếm.

C. hàng hóa khan hiếm, lạm phát tăng cao, các cơ sở sản xuất chưa được phục hồi.

D. chính quyền chưa phát hành được tiền nên buộc phải chấp nhân tiêu tiền của Trung.

**Câu 7**. Kẻ thù nguy hiểm nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong những năm đầu sau cách mạng tháng Tám năm 1945 là

A. phát xít Nhật. B. Trung Hoa Dân Quốc. C. thực dân Anh. D. thực dân Pháp.

**Câu 8**. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành lập 2/9/1945 là nhà nước của

A. giai cấp công, nông, binh. B. giai cấp tư sản dân tộc.

C. toàn thể nhân dân lao động. D. giai cấp vô sản.

**Câu 9**. Sau gần 100 năm thống trị của thực dân Pháp và quân phiệt Nhật, hậu quả xã hội nặng nề nhất để lại cho Việt Nam là

A. đất nước nghèo nàn, lạc hậu. B. hơn 90% dân số mù chữ*.*

C. hơn 2 triệu người chết đói. D. kinh tế khó khăn, tài chính hỗn loạn.

**Câu 10**. Khó khăn lớn nhất của đưa chính quyền cách mạng nước ta vào tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”?

A. Nạn đói, nạn dốt đe dọa nghiêm trọng. B. Ngân quỹ nhà nước trống rỗng, tài chính hỗn loạn.

C. Lực lượng phản cách mạng chống phá. D. Âm mưu xâm lược của Pháp và Trung Hoa Dân quốc.

**Câu 11**. Quân Trung Hoa Dân quốc có mặt trên lãnh thổ nước ta với lí do

A. giúp đỡ nước ta ổn định lại tình hình. B. giải giáp quân phát xít Đức.

C. giúp quân Đồng minh giải giáp quân Nhật. D. chống phá chính quyền cách mạng.

**Câu 12**. Mục đích thực sự của quân Trung Hoa Dân quốc khi vào nước ta đó là

A. giúp ta xây dựng chính quyền mới. B. chống phá chính quyền cách mạng còn non trẻ.

C. giúp quân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta. D. tránh sự phát triển của CNXH xuống phía Nam.

**Câu 13**. Lực lượng tay sai theo sau quân Trung Hoa Dân quốc kéo vào lãnh thổ nước ta là

A. quân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta. B. quân phản cách mạng Việt Quốc, Việt Cách*.*

C. quân Nhật được trang bị lại vũ khí. D. quân Anh với danh nghĩa quân Đồng Minh.

**Câu 14**. Ngày 6/1/1946, lần đầu tiên nhân dân ta thực hiện quyền công dân khi

A. bỏ phiếu bầu đại biểu vào Quốc hội. B. bỏ phiếu bầu Chính phủ lâm thời.

C. bỏ phiếu bầu Chính phủ liên hiệp kháng chiến. D. bỏ phiếu bầu Ủy ban hành chính nhà nước.

**Câu 15**. Biện pháp trước mắt mà Đảng và Nhà nước thực hiện để giải quyết nạn đói là

A. cấm xuất khẩu lúa gạo. B. tăng gia sản xuất.

C. giảm thuế ruộng đất. D. nhường cơm sẻ áo*.*

**Câu 16**. Những biện pháp lâu dài mà Đảng và Nhà nước đã thực hiện để giải quyết nạn đói sau Cách mạng tháng Tám 1945 là

A. “Nhường cơm sẻ áo”, “Ngày đồng tâm”, lập “hũ gạo cứu đói”, chống đầu cơ tích trữ.

B. Chia ruộng đất công cho nông dân, giảm tô, thuế, khuyến khích tăng gia sản xuất*.*

C. “Nhường cơm sẻ áo”, lập “hũ gạo cứu đói”, cấm dùng ngô, khoai, sắn nấu rượu.

D. Cấm đầu cơ tích trữ, cấm dùng gạo nấu rượu, giảm tô, thuế.

**Câu 17**. Để diệt giặc dốt, ngày 8/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kí sắc lệnh

A. lập Bộ giáo dục nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. B. chống giặc đói, giặc dốt.

C. mở hệ thống trường từ tiểu học đến đại học. D. lập Nha Bình dân học vụ.

**Câu 18**. Sau một năm thực hiện các biện pháp diệt giặc dốt kết quả mà chính quyền đạt được là

A. hơn 2.5 triệu người được xóa mù chữ, gần 76.000 lớp học được lập.

B. toàn thể nhân dân biết đọc, biết viết, có nhận thức chính trị.

C. đào tạo nguồn nhân tài, phục vụ cho đất nước.

D. xây dựng được phương pháp giáo dục theo tinh thần dân tộc dân chủ.

**Câu 19**. Để khắc phục tình trạng trống rỗng của ngân sách nhà nước Đảng và Chính phủ đã

A. dùng tiền Quan kim, Quốc tệ của Trung Hoa Dân Quốc đưa vào để thay thế.

B. kêu gọi nhân dân đóng góp cho “Quỹ độc lập”, phát hành tiền Việt Nam.

C. buộc Nhật trả lại tiền đã lấy trong ngân khố của Ngân hàng Đông Dương.

D. tăng cường quyên góp thóc lúa gạo, xây dựng quỹ “Đảm phụ quốc phòng”.

**Câu 20**. Sự kiện nào đánh dấu mốc Pháp chính thức tái chiếm Nam Bộ?

A. Ngày 2/9/1945, Pháp xả súng vào đoàn mít tinh mừng “Ngày độc lập”

B. Ngày 23/9/1945 Pháp đánh úp trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ*.*

C. Ngày 23/9/1945 Pháp buộc ta phải giao quyền quản lí Nam Bộ.

D. Chính phủ Pháp cử D'Argenlieu làm cao ủy Pháp ở Đông Dương.

**Câu 21.** Sách lược của ta đối với Pháp và Trung Hoa Dân Quốc trước ngày 6/3/1946 là

A. kí với Pháp hiệp định Sơ Bộ, đẩy Trung Hoa Dân Quốc về nước.

B. cho Pháp ra Bắc thay thế Trung Hoa Dân Quốc và rút dần trong 5 năm.

C. dho Pháp một số quyền lợi về kinh tế, chính trị, đánh Trung Hoa Dân Quốc.

D. hòa với Trung Hoa Dân Quốc, đánh Pháp ngay khi vừa đặt chân lên Nam Bộ.

**Câu 22**. Để chi viện cho Nam Bộ kháng chiến Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã

A. lập các đoàn quan Nam tiến. B. lập các đội tự vệ vũ trang.

C. kêu gọi toàn quốc kháng chiến. D. chỉ thị toàn dân kháng chiến.

**Câu 23**. Sách lược của ta đối với Trung Hoa Dân Quốc trước ngày 6/3/1946 là

A. cho quân Trung Hoa Dân Quốc một số ghế trong quốc hội và chính phủ không qua bầu cử.

B. tạm hòa hoãn với Trung Hoa Dân Quốc để tránh đối phó với cùng một lúc nhiều kẻ thù.

C. đánh quân Trung Hoa Dân Quốc ngay khi chúng vừa đặt chân lên miền Bắc.

D. cho quân Trung Hoa Dân Quốc quyền kiểm soát an ninh ở Hà Nội, Hải Phòng.

**Câu 24**. Vận dụng Hiệp ước Hoa – Pháp (28/2/1946), Đảng và Chính phủ đã thay đổi sách lược chống Pháp là

A. đánh Pháp ngay khi Pháp đặt chân ra Bắc.

B. chấp nhận Hiệp ước Hoa – Pháp, để cho Pháp ra Bắc tiếp quản Hà Nội.

C. “Hòa để tiến”, kí với Pháp Hiệp định Sơ bộ 6/3/1946.

D. tiếp tục tổ chức các đoàn quân “Nam tiến” đánh Pháp ở Nam Bộ.

**Câu 25**. Trong nội dung của Hiệp định sơ bộ kí kết ngày 6/3/1946, Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia

A. tự trị. B. thống nhất. C. độc lập. D. dân chủ.

**Câu 26**. Để giảm sức ép từ kẻ thù, tháng 11/1945, Đảng Cộng sản Đông Dương đã tuyên bố

A. đổi tên là Đảng Lao động Việt Nam. B. cho Việt Quốc, Việt Cách 70 ghế trong quốc hội.

C. “tự giải tán”, rút vào hoạt động “bí mật”. D. cung cấp lương thực cho Trung Hoa Dân Quốc.

**Câu 27.** Sách lược của ta đối với Pháp và Trung Hoa Dân quốc sau ngày 6/3/1946 là

A. hòa hoãn và kí với Pháp hiệp định Sơ Bộ, đẩy Trung Hoa Dân quốc về nước*.*

B. cho Pháp ra Bắc thay thế Trung Hoa Dân quốc và rút dần trong 5 năm.

C. dho Pháp một số quyền lợi về kinh tế, chính trị, đánh Trung Hoa Dân quốc.

D. hòa với Trung Hoa Dân quốc, đánh Pháp ngay khi vừa đặt chân lên Nam Bộ.

**Câu 28.** Tại sao ta chấp nhận kí với Pháp Hiệp định Sơ bộ và Tạm ước ngày 14/9?

A. Tránh đối đầu với lực lượng quân Đồng minh. B. Tránh đối đầu trực tiếp với Pháp.

C. Chấp nhận cho Pháp chiếm đóng miền Nam. D. Tránh đối cùng một lúc với nhiều kẻ thù.

**Câu 29**. Phiên họp đầu tiên của quốc hội họp ngày 2/3/1946 quyết định

A. lập chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

B. lập chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

C. lập chính phủ Liên hiệp kháng chiến.

D. lập quân đội quốc gia Việt Nam.

**Câu 30**. Sau Hiệp ước Hoa – Pháp, Đảng và Chính phủ ta đứng trước lựa chọn

A. đánh Pháp ngay khi Pháp đặt chân ra Bắc hoặc hòa hoãn nhân nhượng Pháp*.*

B. cho Pháp ra Bắc thay thế quân Nhật hoặc đánh Pháp khi vừa đặt chân ra Bắc.

C. nhân nhượng Pháp, tránh đối đầu căng thẳng hoặc tiếp tục đánh Pháp ở Nam Bộ.

D. chấp nhận hoặc kiên quyết không chấp nhận Hiệp ước Hoa - Pháp.

**Câu 31**. Trong Tạm ước ngày 14/9, để có thêm thời gian hòa hoãn chuẩn bị lực lượng, Ta đã nhân nhượng cho Pháp một số quyền lợi về

A. kinh tế - chính trị. B. kinh tế - quân sự.

C. kinh tế - văn hóa. D. chính trị - quân sự.

**Câu 32**. Tạm ước ngày 14/9, đã tạo điều kiện cho ta

A. cầm chân Pháp, để ta có thời gian chuẩn bị cho chiến tranh lâu dài.

B. ngăn cản Pháp mở các cuộc tiến công quân ta, tránh tiêu hao lực lượng.

C. kéo dài thời gian hòa hoãn để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.

D. cầm chân Pháp ở Nam Bộ, không cho Pháp tiến công ra Bắc.

**Câu 33**. Thái độ của Pháp sau khi kí Hiệp định Sơ bộ là

A. tiếp tục gây xung đột vũ trang ở Nam Bộ, Nam Trung Bộ.

B. tiến công các căn cứ quân sự của ta ở Hà Nội, Thái Nguyên.

C. lập chính phủ thân Pháp do Bảo Đại đứng đầu.

D. tuân thủ thỏa thuận của Hiệp định, tiến tới đàm phán chính thức.

**Câu 34**. Sự kiện nào sau đây cho thấy Đảng, Chính phủ thay đối sách lược từ hòa hoãn với Trung Hoa Dân quốc sang hòa hoãn với Pháp?

A. Quốc hội khóa I, nhường cho các đảng Việt Quốc, Việt Cách 70 ghế trong Quốc hội.

B. Chấp nhận Hiệp ước Hoa – Pháp, đồng ý cho Pháp thay thế Trung Hoa Dân quốc.

C. Kí hiệp định Sơ bộ Việt – Pháp 6/3/1946, đồng ý cho Pháp ra Bắc thay thế Trung Hoa Dân quốc.

D. Kí Tạm ước ngày 14/9/1946 cho Pháp nhiều quyền lợi về kinh tế - quân sự.

**Câu 35**. Việc kí Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3/1946 chứng tỏ

A. sự mềm dẻo của Đảng, Chính phủ trong phân hóa kẻ thù.

B. đường lối đúng đắn kịp thời của Đảng và Chính phủ Ta.

C. sự thỏa hiệp của Đảng và Chính phủ Ta đối với Pháp.

D. Chính quyền Việt Nam còn non trẻ nên phải nhân nhượng.

**Câu 36**. Tại sao năm 1946. Ta lại chuyển từ chủ trương đánh Pháp sang hòa hoãn, nhân nhượng với Pháp?

A. Vì lực lượng quân Pháp mạnh, theo sau Pháp có quân Anh hậu thuẫn.

B. Vì tránh Pháp và Anh bắt tay cấu kết với nhau đẩy ta vào thế bị động.

C. Vì lực lượng quân Pháp mạnh còn có lực lượng quân tay sai ủng hộ.

D. Vì lực lượng của ta còn yếu, tránh đối đầu một lúc với nhiều kẻ thù.

**Câu 37**. Khó khăn nghiêm trọng nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 là

A. nạn đói. B .giặc dốt. C. tài chính. D. giặc ngoại xâm.

**Câu 38**. Khó khăn nguy hiểm nhất của chính quyền nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau ngày 2/9/1945 là

A. các tổ chức phản động trong nước chống phá. B. nạn đói, nạn dốt đe doạ nghiêm trọng.

C. âm mưu xâm lược của Tưởng và Pháp. D. ngân sách nhà nước trống rổng.

**Câu 39**. Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3/1946 có ý nghĩa lớn nhất là

A. hạn chế các hoạt động chống phá của Trung Hoa Dân quốc và tay sai.

B. làm thất bại âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng của Pháp và tay sai.

C. Pháp phải thừa nhận Việt Nam là một quốc gia tự do.

D. giúp đất nước vượt qua tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”.

**Câu 40**. Thiện chí của ta thể hiện trong “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh là gì?

A. Chúng ta muốn hòa bình. Chúng ta phải nhân nhượng.

B. Chúng ta muốn hòa bình. Chúng ta đã kí hiệp định sơ bộ.

C. Chúng ta thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ.

D. Ai cũng phải ra sức đánh giặc Pháp cứu nước.

**Câu 41.** **Những** biện pháp mà Đảng và Nhà nước đã thực hiện để giải quyết thành công nạn đói sau Cách mạng tháng Tám 1945 là

A. “Nhường cơm sẻ áo”, “Ngày đồng tâm”, lập “hũ gạo cứu đói”, chống đầu cơ tích trữ.

*B. Nhường cơm sẻ áo, khuyến khích tăng gia sản xuất, chia ruộng đất, giảm tô, thuế.*

C. “Nhường cơm sẻ áo”, lập “hũ gạo cứu đói”, cấm dùng ngô, khoai, sắn nấu rượu.

D. Cấm đầu cơ tích trữ, cấm dùng gạo nấu rượu, giảm tô, thuế cho nông dân.

**Câu 42.** Từ ngày 6-3-1946 đến trước ngày 19-12-1946, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nhân nhượng cho thực dân Pháp một số quyền lợi với nguyên tắc cao nhất là

A. Đảng Cộng sản được hoạt động công khai. B. đảm bảo an ninh quốc gia.

C. đảm bảo sự phát triển lực lượng chính trị. *D. giữ vững chủ quyền dân tộc*.

**Câu 43**. Bài học kinh nghiệm từ việc ký kết Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) được Đảng ta vận dụng như thế nào trong chính sách đối ngoại hiện nay?

*A. Cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược*. B. Kiên trì đấu tranh bảo vệ lợi ích quốc gia.

C. Sự đồng thuận trong việc giải quyết tranh chấp. D. Tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế.

**Câu 44**. Để đón tiếp quân Đồng minh vào giải giáp phát xít Nhật với tư cách là quốc gia độc lập, Đảng Cộng sản Đông Dương đã quyết định

A. phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương.

B. tiến hành cao trào kháng Nhật cứu nước trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương.

C. phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền sau khi quân Đồng minh vào Đông Dương.

D. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc "Tuyên ngôn độc lập", khai sinh nước VN Dân chủ Cộng hòa.

**Câu 45.** Nội dung nào dưới đây thể hiện tính nguyên tắc trong Hiệp định Sơ bộ được ký kết ngày 6/3/1946?

A. Chính phủ Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

B. Hai bên ngừng xung đột ở phía Nam tạo không khí thuận lợi đi đến đàm phán chính thức.

C. Nước Việt Nam có chính phủ riêng, nghị viện riêng, quân đội riêng và nền tài chính riêng.

D. Chính phủ Việt Nam chấp nhận cho Pháp đưa 15000 quân ra Bắc và rút dần trong 5 năm.

🙙 ☺ 🙛

***Bài 18***

**NHÖÕNG NAÊM ÑAÀU CUÛA CUOÄC KHAÙNG CHIEÁN TOAØN QUOÁC**

**CHOÁNG THÖÏC DAÂN PHAÙP (1946 - 1950)**

**I. KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP BÙNG NỔ:**

**1. Thực dân Pháp bội ước và tiến công nước ta:** (Vì sao Đảng ta phát động toàn quốc kháng chiến?)

* Sau khi kí *Hiệp định Sơ bộ và Tạm ước*, Pháp bội ước, đẩy mạnh việc chuẩn bị xâm lược nước ta lần nữa:
* Sau 6/3/1946, Pháp tấn công Nam Bộ và Nam Trung Bộ.
* Ở Bắc Bộ, 11/1946, Pháp tiến công Hải Phòng, Lạng Sơn.
* Ở Hà Nội, Pháp bắn súng, ném lựu đạn, đốt nhà, chiếm đóng Bộ tài chính, tàn sát ở phố Hàng Bún.
* Ngày 18/12/1946, Pháp gửi tối hậu thư đòi ta giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu, nếu không sáng 20/12/1946, chúng sẽ hành động.

🡢 Nhân dân không còn con đường nào khác, phải cầm súng đứng lên chống Pháp.

* Để kịp thời lãnh đạo cách mạng, ngày 18 và 19/12/1946, Ban thường vụ TW Đảng họp mở rộng tại Vạn Phúc (Hà Đông) quyết định phát động cả nước kháng chiến.
* Đêm 19/12/1946, cuộc kháng chiến toàn quốc chống Pháp bùng nổ. “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh được truyền đi khắp cả nước.
* Đường lối kháng chiến là ***toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tự lực cánh sinh***, tranh thủ sự ủng hộ của bạn bè quốc tế.

**2. Đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng:**

***a.*** *“****Chỉ thị toàn dân kháng chiến****”*của Ban thường vụ TW Đảng, “***Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến***” của HCM, tác phẩm “***Kháng chiến nhất định thắng lợi***” của Tổng Bí thư Trường Chinh là những văn kiện lịch sử quan trọng chỉ rõ: đường lối, tính chất, mục đích, nội dung, phương châm của cuộc kháng chiến chống Pháp. Đó là **kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế**.

***b. Nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến:***

* Kháng chiến toàn dân:
* Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng do đó phải động viên toàn thể nhân dân tham gia.
* Muốn phát huy sức mạnh của toàn dân phải đánh lâu dài, muốn có lực lượng đánh lâu dài thì phải huy động toàn dân tham gia.
* Kháng chiến toàn diện:
* Cuộc kháng chiến phải tiến hành trên các lĩnh vực: quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa,… thì toàn dân ta mới phát huy hết năng lực của mình.
* Giặc Pháp không những đánh ta về quân sự mà còn phá ta cả về kinh tế, chính trị, văn hóa,…, cho nên ta phải đánh bại mọi âm mưu phá hoại về kinh tế, chính trị và quân sự của chúng, phải kháng chiến toàn diện.
* Kháng chiến lâu dài: Mặt khác, lúc đầu địch mạnh hơn ta về vật chất, vũ khí, nhưng ta có ưu thế về tinh thần chính trị và có chính nghĩa. Do đó ta có thể lấy tinh thần chính trị khắc phục khó khăn về vật chất, nên ta càng đánh càng mạnh, càng đánh càng thắng.
* Kháng chiến dựa vào sức mình là chính, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế: Ta rất coi trọng những thuận lợi và sự giúp đỡ của bên ngoài, nhưng bao giờ cũng theo đúng phương châm kháng chiến của ta là tự lực cánh sinh, vì bất cứ cuộc chiến tranh nào cũng phải do sự nghiệp của bản thân quần chúng, sự giúp đỡ bên ngoài chỉ là điều kiện hỗ trợ thêm vào.

**II. CUỘC CHIẾN ĐẤU Ở CÁC ĐÔ THỊ VÀ VIỆC CHUẨN BỊ CHO CUỘC K/CHIẾN LÂU DÀI:**

**1. Cuộc chiến đấu ở các đô thị ở phía Bắc vĩ tuyến 16:** diễn ra quyết liệt, tiêu biểu là cuộc chiến đấu 60 ngày đêm tại Hà Nội với tinh thần quyết tử cho tổ quốc quyết sinh.

***a. Ở Hà Nội:***

* 20 giờ 19/12/1946, cuộc chiến đấu bắt đầu.
* Nhân dân dựng chướng ngại vật, chiến lũy ngay trên đường phố để chống giặc.
* Trung đoàn Thủ đô được thành lập, đánh những trận quyết liệt ở Bắc Bộ phủ, chợ Đồng Xuân, Nhà Bưu điện,…
* Sau 2 tháng chiến đấu, 17/2/1947, quân ta rút khỏi vòng vây của địch, ra căn cứ an toàn.

***b. Ở các đô thị khác:***như Bắc Giang, Bắc Ninh, Nam Định, Vinh, Huế, Đà Nẵng…, quân ta bao vây, tiến công, tiêu diệt nhiều tên địch.

🡪 Ý nghĩa: Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 đã tiêu hao một bộ phận sinh lực địch, giam chân chúng trong các thành phố, tạo điều kiện cho cả nước bước vào cuộc kháng chiến lâu dài.

**2. Tích cực chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài: (Học sinh tự đọc)**

**III. CHIẾN DỊCH VIỆT BẮC THU – ĐÔNG NĂM 1947 VÀ VIỆC ĐẨY MẠNH KHÁNG CHIẾN TOÀN DÂN, TOÀN DIỆN:**

**1. Chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947:**

Sau khi rút khỏi Hà Nội, ta chuyển lên căn cứ địa Việt Bắc, lãnh đạo, tổ chức nhân dân cả nước xây dựng lực lượng kháng chiến về mọi mặt.

***a. Âm mưu của Pháp*:** Sau khi chiếm Hà Nội, 3**/**1947, Pháp thực hiện kế hoạch tiến công lên căn cứ địa Việt Bắc để tiêu diệt quân chủ lực, đầu não kháng chiến của ta nhằm nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

***b. Diễn biến:***

* Từ 7/10/1947, Pháp huy động 12.000 quân mở cuộc tấn công lên Việt Bắc theo thế hai gọng kìm:
* Sáng 7/10/1947, Pháp cho quân nhảy dù xuống chiếm thị xã Bắc Cạn, Chợ Mới… Cùng ngày, bộ binh từ Lạng Sơn theo đường số 4 đánh Cao Bằng, Bắc Cạn (đường số 3), bao vây Việt Bắc ở phía đông và phía bắc.
* 9/10/1947, bộ binh và lính thủy đánh bộ từ Hà Nội đi ngược sông Hồng, sông Lô lên Tuyên Quang, Chiêm Hóa, đánh vào Đài Thị, bao vây Việt Bắc ở phía tây.
* Đảng ta chỉ thị “**Phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp**”. Quân ta anh dũng chiến đấu, đẩy lùi cuộc tiến công của địch:
* Quân dân ta chủ động bao vây và tấn công địch ở Chợ Mới, Chợ Đồn, Chợ Rã (Bắc Cạn) 🡪 11/1947, Pháp phải rút khỏi Chợ Đồn, Chợ Rã.
* Ở mặt trận hướng đông, quân ta phục kích đánh địch trên đường số 4, tiêu biểu trận đèo Bông Lau (30/10/1947), đánh trúng đoàn xe cơ giới của địch, thu nhiều vũ khí…
* Ở mặt trận hướng tây, ta phục kích đánh địch trên sông Lô, nổi bật trận Đoan Hùng, Khe Lau, đánh chìm nhiều tàu chiến, ca nô của địch, bẽ gãy hai gọng kìm.
* Sau hơn 2 tháng mở chiến dịch, 19/12/1947, Pháp rút chạy khỏi Việt Bắc.
* Phối hợp với Việt Bắc, quân dân ta trên các chiến trường toàn quốc hoạt động mạnh, kiềm chế, không cho địch tập trung lớn binh lực vào chiến trường chính.

***c. Kết quả:***

* Loại khỏi vòng chiến đấu hơn 6.000 địch, bắn rơi 16 máy bay, bắn chìm 11 tàu chiến, canô, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh.
* Cơ quan đầu não kháng chiến được bảo toàn, bộ đội chủ lực ngày càng trưởng thành.

***d. Ý nghĩa:***

* Với chiến thắng Việt Bắc, cuộc kháng chiến toàn quốc chống Pháp chuyển sang giai đoạn mới.
* Buộc Pháp phải thay đổi chiến lược chiến tranh: từ “đánh nhanh, thắng nhanh” sang “đánh lâu dài”, thực hiện chính sách “dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”.

***Câu hỏi suy luận: Tại sao nhận định: với chiến thắng Việt Bắc thu – đông 1947, kế hoạch “đánh nhanh, thắng nhanh” của Pháp bị phá sản? Gợi ý:***

* *Âm mưu của Pháp khi xâm lược Viêt Nam: chiến lược “đánh nhanh, thắng nhanh”.*
* *Đánh lên Việt Bắc nằm trong chiến lược “đánh nhanh, thắng nhanh”nhưng Pháp thất bại.*
* *Pháp muốn tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta, nhưng bộ đội ta càng trưởng thành trong chiến đấu.*
* *Pháp muốn diệt căn cứ địa Việt Bắc, nhưng căn cứ Việt Bắc vẫn được giữ vững.*

1. ***Đẩy mạnh kháng chiến toàn dân, toàn diện****:* ***(Học sinh tự đọc)***

**IV. HOÀN CẢNH LỊCH SỬ MỚI VÀ CHIẾN DỊCH BIÊN GIỚI THU – ĐÔNG NĂM 1950:**

**1. Hoàn cảnh lịch sử mới của cuộc kháng chiến (**đầu năm 1950 **):**

* *Thuận lợi*:
* Ta đẩy mạnh kháng chiến toàn dân, toàn diện và giành thắng lợi nhiều mặt.
* 1/10/1949, cách mạng TQ thành công, nước CHND Trung Hoa ra đời.
* Đầu năm 1950, Trung Quốc, Liên Xô và các nước trong phe XHCN lần lượt công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với nước ta.
* *Khó khăn*: ta phải đương đầu với **âm mưu mới của Pháp**.
* Pháp cầu cứu Mĩ, Mĩ can thiệp sâu và dính líu trực tiếp vào chiến tranh ở Đông Dương (Mĩ công nhận chính phủ Bảo Đại, viện trợ kinh tế và quân sự cho Pháp).
* Được sự đồng ý của Mĩ, Pháp đề ra kế hoạch quân sự Rơ ve: từ 6/1949, Pháp tăng cường hệ thống phòng ngự Đường số 4, thiết lập “*Hành lang Đông – Tây*”, chuẩn bị tiến công Việt Bắc lần 2, mong giành thắng lợi, nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

🡪 Vùng tự do của ta bị thu hẹp, căn cứ địa Việt Bắc bị bao vây.

**2. Chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950:**

***a. Chủ trương, mục đích của ta:***

* Biết rõ âm mưu địch và để khắc phục khó khăn, đưa cuộc kháng chiến phát triển, 6/1950, Đảng và Chính phủ quyết định mở *chiến dịch Biên giới* nhằm:
* Tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch.
* Khai thông đường sang Trung Quốc và thế giới.
* Mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc, thúc đẩy kháng chiến tiến lên.
* Chủ tịch Hồ Chí Minh ra mặt trận cùng Bộ Chỉ huy trực tiếp chỉ đạo chiến dịch và động viên bộ đội chiến đấu.

***b. Diễn biến:***

* Sáng 16/9/1950**(ngày bé chuột ra đời)**, quân ta tấn công Đông Khê, mở đầu chiến dịch Biên Giới. Sau 2 ngày, ta tiêu diệt hoàn toàn cứ điểm Đông Khê. Thất Khê bị uy hiếp, Cao Bằng bị cô lập.
* Pháp buộc phải rút khỏi Cao Bằng theo đường số 4, cho quân từ Thất Khê lên chiếm lại Đông Khê và đón cánh quân từ Cao Bằng rút về.
* Quân ta chủ động mai phục, đánh địch nhiều nơi trên đường số 4 làm cho hai cánh quân này không gặp được nhau và tiêu diệt chúng.
* Ta còn chặn đánh cuộc hành quân của địch lên Thái Nguyên.
* Pháp hoảng loạn, rút chạy, 22/10/1950, đường số 4 được giải phóng.
* Phối hợp với mặt trận Biên giới, quân ta hoạt động mạnh ở tả ngạn sông Hồng, Tây Bắc, địch phải rút khỏi Hòa Bình; phong trào du kích phát triển mạnh ở Bình – Trị – Thiên, Liên khu V, Nam Bộ.

***c. Kết quả:*** chiến dịch Biên Giới kết thúc thắng lợi.

* Ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 8.000 địch, giải phóng biên giới Việt Trung từ Cao Bằng đến Đình Lập với 35 vạn dân.
* Chọc thủng “Hành lang Đông- Tây”.
* Thế bao vây Việt Bắc bị phá vỡ, kế hoạch Rơve bị phá sản.

***d. Ý nghĩa:*** Chiến thắng Biên Giới đánh dấu bước tiến vượt bậc của quân dân ta.

* Với thắng lợi Biên giới, con đường liên lạc của ta với các nước XHCN được khai thông.
* Quân đội ta đã giành được thế chủ động trên chiến trường chính (Bắc Bộ), mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.

***Câu hỏi suy luận: Vì sao nói chiến thắng Biên Giới 1950 đánh dấu bước tiến vượt bậc của quân, dân ta?***

***Gợi ý:***

* *Đây là chiến dịch lớn do ta chủ động mở để tiêu diệt địch.*
* *Là chiến dịch thể hiện khả năng chỉ huy và chiến đấu của quân đội ta:*
  + *Ta huy động tới 3 vạn quân, 4.000 tấn lương thực và vũ khí.*
  + *Chủ động đánh vào cứ điểm kiên cố nhất của địch.*
  + *Chiến đấu trong thời gian dài.*
    - *Với thắng lợi Biên giới, con đường liên lạc của ta với các nước XHCN được khai thông.*
    - *Quân đội ta đã giành được thế chủ động trên chiến trường chính (Bắc Bộ), mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.*

***Bài 19***

**BÖÔÙC PHAÙT TRIEÅN CUÛA CUOÄC KHAÙNG CHIEÁN TOAØN QUOÁC**

**CHOÁNG THÖÏC DAÂN PHAÙP (1951 - 1953)**

**I. THỰC DÂN PHÁP ĐẨY MẠNH CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC ĐÔNG DƯƠNG:**

**1. Mĩ từng bước can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh:** **(Học sinh tự học)**

* 23/12/1950, Mĩ kí với Pháp *Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương* (tăng cường viện trợ quân sự, kinh tế – tài chính cho Pháp và tay sai). Mĩ từng bước thay chân Pháp ở Đông Dương.
* Tháng 9/1951, Mĩ kí với Bảo Đại Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt – Mĩ nhằm trực tiếp ràng buộc chính phủ Bảo Đại vào Mĩ.

**2. Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi:**

* Dựa vào viện trợ Mĩ, cuối 1950, Pháp đề ra kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi để nhanh chóng kết thúc chiến tranh:
  + Tập trung xây dựng lực lượng cơ động chiến lược mạnh (ra sức phát triển ngụy quân, xây dựng “quân đội quốc gia”), lập các tuyến phòng thủ “boongke”.
  + Thành lập “vành đai trắng”, giành quyền kiểm soát vùng đồng bằng Bắc Bộ.
  + Tiến hành “chiến tranh tổng lực”, bình định vùng tạm chiếm, vơ vét sức người, sức của,… Đánh phá hậu phương của ta.
* Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi đã:
  + - Đưa cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp ở Đông Dương lên quy mô lớn
    - Làm cho cuộc kháng chiến của nhân dân ta, nhất là vùng sau lưng địch, trở nên khó khăn, phức tạp.

**II. ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU LẦN THỨ HAI CỦA ĐẢNG (2/1951):**

* Đại hội diễn ra từ 11🠚19/2/1951, tại Chiêm Hóa (Tuyên Quang).
* ***Nội dung*:**
* Thông qua hai bản báo cáo quan trọng:
* *Báo cáo chính trị* (chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày): tổng kết kinh nghiệm đấu tranh của Đảng, khẳng định đường lối kháng chiến.
* Báo cáo *Bàn về cách mạng Việt Nam* (Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày) nêu rõ nhiệm vụ cơ bản của cách mạng là đánh đuổi đế quốc xâm lược, giành độc lập, thống nhất hoàn toàn; xóa bỏ tàn tích phong kiến; thực hiện người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân…
* Đại hội quyết định tách ĐCS ĐifD để thành lập ở mỗi nước VN, Lào, CPC một đảng cộng sản riêng. Tại Việt Nam, Đảng ta hoạt động công khai với tên mới là ***Đảng Lao động VN***.
* Đại hội thông qua *Tuyên ngôn, Chính cương, Điều lệ mới*, xuất bản báo *Nhân dân*.
* Bầu BCH TW Đảng và Bộ Chính trị (HCM làm Chủ tịch, Trường Chinh làm Tổng Bí thư).
  + ***Ý nghĩa****:* Đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình trưởng thành và lãnh đạo cách mạng của Đảng ta, là “Đại hội kháng chiến thắng lợi”.

**III. HẬU PHƯƠNG KHÁNG CHIẾN PHÁT TRIỂN MỌI MẶT (1951-1953):**

* + - ***Về chính trị:***
* Từ 3🠚7/3/1951, thống nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt thành *Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam* (Mặt trận Liên Việt), sau đó thành lập *Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào*.
* 1/5/1952, Đại hội Chiến sĩ thi đua và Cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất đã chọn được 7 anh hùng ở các lĩnh vực khác nhau (Cù Chính Lan, La Văn Cầu, Nguyễn Quốc Trị, Nguyễn Thị Chiên, Ngô Gia Khảm, Trần Đại Nghĩa, Hoàng Hanh).
  + ***Về kinh tế:***
* 1952, Chính phủ mở cuộc vận động lao động sản xuất và thực hành tiết kiệm. Năm 1953, vùng tự do sản xuất được 2,7 triệu tấn thóc.
* Sản xuất thủ công nghiệp và công nghiệp cơ bản đáp ứng yêu cầu đời sống và quân đội (công cụ sản xuất, thuốc men, quân trang quân dụng).
* Chính phủ đề ra chính sách chấn chỉnh thuế khóa, xây dựng tài chính, ngân hàng…
* 1953, Đảng và chính phủ bước đầu tiến hành cải cách ruộng đất ở một số vùng tự do (Thái Nguyên, Thanh Hóa).
  + ***Về văn hóa, giáo dục, y tế***: đều có bước phát triển phục vụ nhân dân, phục vụ kháng chiến.
* 1950, cải cách giáo dục theo ba phương châm: “phục vụ kháng chiến, phục vụ dân sinh, phục vụ sản xuất”. Năm 1952, có hơn 1 triệu học sinh phổ thông, khoảng 14 triệu người thoát mù chữ. Văn nghệ sĩ hăng hái thâm nhập mọi mặt của cuộc sống.
* Công tác vệ sinh, phòng dịch bệnh, chăm lo sức khỏe cho nhân dân được chú trọng.

**IV. NHỮNG CHIẾN DỊCH TIẾN CÔNG GIỮ VỮNG QUYỀN CHỦ ĐỘNG TRÊN CHIẾN TRƯỜNG (1951-1953): (Học sinh tự học)**

***Bài 20***

**CUOÄC KHAÙNG CHIEÁN TOAØN QUOÁC CHOÁNG THÖÏC DAÂN PHAÙP KEÁT THUÙC (1953 - 1954)**

**I. ÂM MƯU MỚI CỦA PHÁP – MĨ Ở ĐÔNG DƯƠNG: KẾ HOẠCH NAVA**

**1. Hoàn cảnh:**

* Sau 8 năm chiến tranh, lực lượng kháng chiến của ta đã lớn mạnh đáng kể; quân Pháp bị thiệt hại nặng nề: hơn 39 vạn quân bị loại, vùng chiếm đóng bị thu hẹp, chi phí chiến tranh tăng, lâm vào thế phòng ngự bị động.
* Mĩ can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh Đông Dương, ép Pháp phải kéo dài và mở rộng chiến tranh, tích cực chuẩn bị thay thế Pháp.
* 7/5/1953, Nava được cử làm Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương, đề ra kế hoạch quân sự Nava hi vọng trong 18 tháng sẽ giành lấy một thắng lợi quyết định,“kết thúc chiến tranh trong danh dự”.

**2. Nội dung kế hoạch Nava**: gồm 2 bước.

* *Bước 1*: Thu - đông 1953 và xuân 1954, phòng ngự chiến lược ở Bắc Bộ, tiến công chiến lược ở Trung bộ và Nam Đông Dương, xây dựng lực lượng cơ động chiến lược mạnh.
* *Bước 2*: Thu - đông 1954, chuyển lực lượng ra chiến trường Bắc Bộ, tiến công chiến lược, cố giành thắng lợi quân sự quyết định, buộc ta phải đàm phán theo hướng có lợi cho chúng nhằm kết thúc chiến tranh.

Pháp tập trung 44 tiểu đoàn cơ động *ở đồng bằng Bắc Bộ* (trong số 84 tiểu đoàn ở Đông Dương), tiến hành càn quét, bình định vùng tạm chiếm.

**II. CUỘC TIẾN CÔNG CHIẾN LƯỢC ĐÔNG – XUÂN 1953 – 1954 VÀ CHIẾN DỊCH** **ĐIỆN BIÊN PHỦ NĂM 1954:**

**1. Cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954:**

***a. Chủ trương của ta:*** Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu nhằm:

* Tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng đất đai.
* Buộc địch phải bị động phân tán lực lượng đối phó với ta, tạo điều kiện cho ta tiêu diệt thêm sinh lực địch.

***b. Diễn biến:***

***(ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ(1), ĐIỆN BIÊN PHỦ(2), XENO(3))***

* 10/12/1953, ta tiến công thị xã Lai Châu và giải phóng toàn tỉnh Lai Châu (trừ ĐBP). Nava buộc phải tăng cường cho ĐBP; ngoài ĐBBB, Điện Biên Phủ trở thành *nơi tập trung binh lực thứ hai* của Pháp.
* Đầu 12/1953, liên quân Lào – Việt tiến công ở Trung Lào, giải phóng Thà Khẹt, uy hiếp Xênô. Nava buộc phải tăng cường cho Xênô ; Xênô trở thành *nơi tập trung binh lực thứ ba* của Pháp.
* Cuối 1/1954, liên quân Lào – Việt tiến công Thượng Lào, giải phóng Phongxalì, uy hiếp Luông Phabang. Nava vội tăng cường lực lượng cho Luông Phabang và Mường Sài ; Luông Phabang và Mường Sài trở thành *nơi tập trung binh lực thứ tư* của Pháp.
* Đầu 2/1954, ta tiến công ở Bắc Tây Nguyên, giải phóng Kon Tum, uy hiếp Plâyku. Nava phải tăng cường lực lượng cho Plâyku ; Plâyku trở thành *nơi tập trung binh lực thứ năm* của Pháp.

Ở vùng sau lưng địch, phong trào chiến tranh du kích cũng phát triển mạnh.

**c. *Ý nghĩa:*** Thắng lợi trong đông – xuân 1953 – 1954 đã chuẩn bị về vật chất và tinh thần cho quân dân ta mở cuộc tiến công quyết định vào ĐBP.

**2. Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ 1954:**

***a. Âm mưu của Pháp:***

* Điện Biên Phủ có vị trí chiến lược then chốt ở Đông Dương và ĐNÁ, nên Pháp cố gắng nắm giữ.
* Nava tập trung mọi cố gắng xây dựng ĐBP thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương gồm: 16.200 quân, chia làm ba phân khu với 49 cứ điểm được trang bị hiện đại.
* Cả Pháp và Mĩ đều coi ĐBP là một “pháo đài bất khả xâm phạm”, nhằm thu hút lực lượng ta vào đây để tiêu diệt.

***b*. *Chủ trương của ta*:**

* Đầu tháng 12/1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch ĐBP nhằm: tiêu diệt địch, giải phóng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào.
* Ta huy động một lực lượng lớn: khoảng 55.000 quân, hàng nghìn tấn vũ khí, đạn dược, 27.000 tấn gạo… chuyển ra mặt trận .
* Đầu tháng 3/1954, công tác chuẩn bị hoàn tất, ngày 13/3/1954, ta nổ súng tấn công ĐBP.

**c. *Diễn biến chiến dịch***: (13/3 đến 7/5/1954) gồm 3 đợt:

* *Đợt 1*: Từ 13/3 đến 17/3/1954: Ta tiến công, tiêu diệt cụm cứ điểm Him Lam và toàn bộ phân khu Bắc, loại gần 2.000 tên địch.
* *Đợt 2*: Từ 30/3 đến 26/4/1954
* Ta đồng loạt tiến công các cứ điểm phía đông phân khu Trung tâm như A1, C1, E1,…
* Ta chiếm được phần lớn các cứ điểm của địch, tạo điều kiện bao vây, chia cắt, khống chế địch.
* Mĩ khẩn cấp viện trợ cho Pháp và dọa ném bom nguyên tử xuống ĐBP.
* Ta kịp thời khắc phục khó khăn về tiếp tế, nâng cao quyết tâm giành thắng lợi.
* *Đợt 3*: Từ 1/5 đến 7/5/1954
  + Quân ta đồng loạt tiến công phân khu Trung tâm và phân khu Nam, tiêu diệt các cứ điểm còn lại của địch.
  + Chiều 7/5 quân ta đánh vào sở chỉ huy địch. 17 giờ 30 phút ngày 7/5/1954 tướng Đờ Caxtơri và toàn bộ Ban Tham mưu địch đầu hàng và bị bắt sống.

Trên chiến trường toàn quốc, ta đã phối hợp chặt chẽ nhằm phân tán, tiêu hao, kìm chân địch tạo điều kiện cho ĐBP giành thắng lợi.

***d. Kết quả và ý nghĩa:***

**\* *Kết quả:***

* Cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 và chiến dịch ĐBP toàn thắng, ta loại 128.200 tên địch, thu nhiều vũ khí, giải phóng nhiều vùng rộng lớn.
* Riêng tại ĐBP, ta loại 16.200 tên địch, hạ 62 máy bay, thu toàn bộ vũ khí, phương tiện chiến tranh ở ĐBP.

**\* *Ý nghĩa:*** Chiến thắng ĐBP là thắng lợi lớn nhất của ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp:

* Đập tan hoàn toàn kế hoạch Nava.
* Giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của Pháp.
* Làm xoay chuyển cục diện chiến tranh ở Đông Dương.
* Tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao của ta giành thắng lợi (buộc Pháp phải kí hiệp định Giơ-ne-vơ).

**III. HIỆP ĐỊNH GIƠNEVƠ 1954 VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH, LẬP LẠI HÒA BÌNH** **Ở ĐÔNG DƯƠNG:**

***1. Nội dung Hiệp định Giơnevơ:***

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, ngày ***21/7/1954***, Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết. Nội dung:

* Các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của 3 nước Đông Dương, không can thiệp vào nội bộ ba nước.
* Các bên tham chiến thực hiện ngừng bắn, lập lại hòa bình trên toàn Đông Dương.
* Các bên tham chiến thực hiện tập kết, chuyển quân, chuyển giao khu vực (*Ở Việt Nam*: lấy vĩ tuyến 17 dọc sông Bến Hải - Quảng Trị làm giới tuyến quân sự tạm thời. *Ở Lào*: lực lượng kháng chiến tập kết ở hai tỉnh Sầm Nưa và Phong xalì. *Ở Campuchia*: lực lượng kháng chiến phục viên tại chỗ vì không có vùng tập kết).
* Cấm đưa quân đội và nhân viên quân sự, vũ khí nước ngoài vào các nước Đông Dương.
* Việt Nam sẽ thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước vào 7/1956.
* Trách nhiệm thi hành Hiệp định thuộc về những người kí Hiệp định và những người kế nhiệm.

**2. *Ý nghĩa***:

* Là văn bản pháp lí quốc tế, ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của 3 nước Đông Dương.
* Đánh dấu cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta đã thắng lợi (xong chưa trọn vẹn).
* Buộc Pháp chấm dứt chiến tranh, rút quân về nước; làm thất bại âm mưu, kéo dài, mở rộng và quốc tế hóa chiến tranh xâm lược Đông Dương của Mĩ.

🟋 ***Hạn chế***: Đất nước tạm thời bị chia cắt thành hai miền, ta chỉ mới giải phóng hoàn toàn miền Bắc.

**IV. NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI, Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN** **CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945-1954):**

**1. Nguyên nhân thắng lợi:**

**\* *Chủ quan:***

* Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Hồ Chủ tịch, với đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo.
* Toàn quân, toàn dân ta có lòng yêu nước đoàn kết, dũng cảm trong chiến đấu, cần cù trong lao động; có chính quyền dân chủ nhân dân trong cả nước; có mặt trận dân tộc thống nhất; có lực lượng vũ trang lớn mạnh với 3 thứ quân; có hậu phương rộng lớn và vững chắc.

**\* *Khách quan:***

* Tinh thần đoàn kết chiến đấu của 3 nước Đông Dương.
* Sự ủng hộ và giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân, của nhân dân Pháp và loài người tiến bộ.

**2. Ý nghĩa lịch sử:**

**\* *Đối với dân tộc*:**

* Chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược và ách cai trị của TD Pháp gần một thế kỷ trên đất nước ta.
* Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng và chuyển sang cách mạng XHCN, tạo cơ sở giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

**\* *Đối với thế giới:***

* Giáng đòn nặng nề vào chủ nghĩa đế quốc, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chúng.
* Cổ vũ mạnh mẽ phong trào GPDT ở Á, Phi và Mĩ Latinh.

**V. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM: Chọn câu trả lời duy nhất đúng**

**Câu 1.** Thái độ của Pháp sau khi kí Hiệp định sơ bộ 6/3/1946 và bản Tạm ước 14/9/1946 là

A. thi hành nghiêm chỉnh những nội dung đã kí kết. B. tỏ rõ thiện chí hoà bình với ta.

C. thực hiện ngừng bắn ở Nam Bộ. D. tiếp tục tăng cường khiêu khích quân sự.

**Câu 2.** Sau khi ra Chỉ thị *Toàn dân kháng chiến*, Hội nghị bất thường Ban thường vụ Trung ương Đảng (ngày 18 và 19 – 12 – 1946) đã quyết định

A. nhân nhượng, hoà hoãn với Pháp. B. đề nghị Chính phủ Pháp đàm phán.

C. phát động cả nước kháng chiến. D. kêu gọi cộng đồng quốc tế can thiệp.

**Câu 3**. Hành động khiêu khích nghiêm trọng, trắng trợn nhất của Pháp đối với ta là

A. khiêu khích, tiến công ta ở Hải Phòng và Lạng Sơn.

B. chiếm đóng trái phép ở Đà Nẵng, Hải Dương.

C. gửi tối hậu thư đòi ta để quân Pháp giữ trật tự ở Hà Nội.

D. tiến đánh các vùng tự do của ta ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ.

**Câu 4**. Quyết định của Đảng và Chính phủ ta trước những hành động xâm lược của thực dân Pháp là

A. tiếp tục nhân nhượng, hoà hoãn với Pháp.

B. đề nghị Chính phủ Pháp thương lượng, đàm phán.

C. phát động cả nước kháng chiến chống Pháp xâm lược.

D. kêu gọi cộng đồng quốc tế can thiệp.

**Câu 5**. Sự kiện nào là tín hiệu mở đầu cho cuộc kháng chiến toàn quốc chống Pháp của quân và dân Ta?

A. Hội nghị bất thường Ban chấp hành Trung ương Đảng ngày 19/12/1946.

B. Công nhân nhà máy điện Yên Phụ - Hà Nội phá máy, tắt điện.

C. Ban chỉ huy toàn dân kháng chiến ngày 12/12/1946.

D. Pháp gởi tối hậu thư đòi chính phủ ta giải tán lực lượng tự vệ.

**Câu 6**. Nội dung của đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng và Chính phủ là

A. Toàn dân, toàn diện và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế.

B. Trường kì, chắc thắng thì đánh cho kì thắng, không chắc thắng thì kiên quyết không đánh.

C. Đánh chắc, tiến chắc, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế.

D. Toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế.

**Câu 7**. Lực lượng quân sự nào của ta được thành lập và chiến đấu ở Hà Nội những ngày đầu Toàn quốc kháng chiến?

A. Trung đoàn thủ đô. B. Cứu quốc quân.

C. Việt Nam giải phóng quân. D. Vệ quốc đoàn.

**Câu 8**. Chủ tịch Hồ Chí Minh ra “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” đánh dấu mốc

A. kháng chiến toàn quốc chính thức bùng nổ. B. sự trưởng thành của quân đội nhân dân Việt Nam.

C. chúng ta không muốn để Pháp chèn ép. D. đấu tranh chống Pháp để giành lại độc lập.

**Câu 9**. Nguyên nhân trực tiếp bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc chống Pháp là

A. Hội nghị Fontainebleau đàm phán không thành công.

B. Pháp đánh chiếm được Hà Nội, Hải Phòng.

C. Pháp gửi tối hậu tư đòi quyền kiểm soát Hà Nội.

D. Pháp đánh lên căn cứ Việt Bắc buộc ta phải đầu hàng.

**Câu 10**. Vì sao ta phải thực hiện đường lối kháng chiến lâu dài?

A. Kéo dài thời gian để xây dựng căn cứ kháng chiến vững chắn.

B. Kéo dài thời gian để hậu phương có thể cung cấp lương thực.

C. Kéo dài thời gian vì thế ta yếu, thế Pháp mạnh.

D. Kéo dài thời gian để chờ sự ủng hộ từ bên ngoài.

**Câu 11**. Kết quả cuộc chiến đấu ở thủ đô Hà Nội năm 1946 là

A. ta giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu ở Hà Nội.

B. địch bị giam chân trong thành phố gần hai tháng.

C. ta đánh bại kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của Pháp.

D. quân Pháp phải rút khỏi Hà Nội.

**Câu 12**. Đường lối kháng chiến của ta thể hiện rõ trong những văn kiện nào?

A. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến; Kháng chiến nhất định thắng lợi; Toàn dân kháng chiến.

B. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến; Kháng chiến toàn quốc thắng lợi; Toàn dân kháng chiến.

C. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến; Kháng chiến nhất định thắng lợi; Toàn quốc kháng chiến.

D. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến; Kháng chiến nhất định thắng lợi; Bàn về cách mạng VN.

**Câu 13**. Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Không! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ ” đã thể hiện

A. cuộc kháng chiến của ta rất lâu dài và gian khổ.

B. quyết tâm chiến đấu bảo vệ độc lập tự do của nhân dân ta.

C. đường lốì kháng chiến chống Pháp của ta là đúng đắn.

D. lòng ham muốn hoà bình của dân tộc ta.

**Câu 14**. Âm mưu chủ yếu của Pháp khi mở cuộc tấn công lên Việt Bắc là

A. gây thanh thế để xoa dịu phong trào phản đối chiến tranh ở Pháp.

B. tìm một lối thoát danh dự khỏi cuộc chiến tranh Đông Dương.

C. thực hiện chiến lược đánh nhanh tháng nhanh, kết thúc chiến tranh.

D. giành thế chủ động chiến lược tại địa bàn rừng núi.

**Câu 15**. Pháp mở chiến dịch nào nhằm mục đích nhanh chóng kết thúc chiến tranh?

A. Chiến dịch Việt Bắc thu đông năm 1947. B. Chiến dịch Biên giới thu đông năm 1950.

C. Chiến dịch Hòa Bình đông xuân 1951 – 1952. D. Chiến dịch Tây Bắc thu đông năm 1952.

**Câu 16**. Ngay khi Pháp tiến công lên Việt Bắc, Đảng đã chỉ thị

A. phải chặn đánh các cuộc tiến công lên Việt Bắc.

B. phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp.

C. phải đẩy lùi cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp.

D. phải ngăn chặn các cuộc bao vây Việt Bắc của Pháp

**Câu 17**. Kết quả lớn nhất ta đạt được sau chiên dịch Việt Bắc là

A. ta buộc Pháp phải thực hiện chính sách “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”

B. ta buộc Pháp chuyển từ “đánh nhanh thắng nhanh” sang “đánh lâu dài” với ta.

C. bộ đội chủ lực của ta lớn mạnh, trưởng thành, có kinh nghiệm trong chiến đấu.

D. ta tiêu diệt được hơn 6000 tên địch, quân Pháp buộc phải rút lui khỏi Việt Bắc.

**Câu 18**. Sau khi thất bại trong cuộc tiến công lên Việt Bắc, Pháp thực hiện chính sách

A. mở rộng địa bàn chiếm đóng trên khắp chiến trường Đông Dương.

B. rút quân về tập trung ở chủ yếu đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ.

C. dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh.

D. dập trung toàn bộ quân tiến công lên căn cứ Việt Bắc lần thứ hai.

**Câu 19**. Phá tan cuộc tiến công tấn công mùa đông của giặc Pháp, bảo vệ căn cứ địa Việt Bắc là mục đích của ta trong

A. chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947. B. chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950.

C. chiến dịch Hòa Bình đông – xuân 1951 – 1952. D. chiến dịch Tây Bắc thu – đông năm 1952.

**Câu 20**. Thực chất của chính sách “dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh” của Pháp là

A. thực hiện chiến lược đánh nhanh thắng nhanh. B. cuộc chiến tranh tổng lực.

C. chuyển sang hình thức xâm lược thực dân mới. D. thực hiện chiến lược đánh lâu dài với ta.

**Câu 21**. Từ tháng 5/1949, Mĩ – Pháp thực hiện kế hoạch chiến tranh nào?

A. Revers. B. Bolaert. C. Navarre. D. De Castries.

**Câu 22**. Từ kế hoạch nào Mĩ chính thức can thiệp vào cuộc chiến tranh ở Đông Dương?

A. Kế hoạch Revers. B. Kế hoạch De Lattre de Tassigny.

C. Kế hoạch Bolaert. D. Kế hoạch Navarre.

**Câu 23**. Theo kế hoạch Revers, Pháp thực hiện

A. tăng cường hệ thống phòng ngự trên đường số 4, thiết lập “vành đai trắng”.

B. tăng cường hệ thống phòng ngự trên đường số 4, thiết lập hành lang Đông – Tây.

C. xây dựng lực lượng cơ động, tập phòng tuyến công sự, thiết lập “vành đai trắng”.

D. lập phòng tuyến công sự, thiết lập hành lang Đông – Tây ( từ Hà Nội đến Sơn La).

**Câu 24**. Tiêu diệt sinh lực địch; khai thông biên giới Việt – Trung; củng cố căn cứ địa Việt Bắc là mục đích của chiến dịch

A. Việt Bắc thu – đông năm 1947. B. Biên giới thu – đông năm 1950.

C. Hòa Bình đông – xuân 1951 – 1952. D. Tây Bắc thu – đông năm 1952.

**Câu 25**. Ta mở màn chiến dịch Biên giới năm 1950 bằng cuộc tiến công vào

A. Cao Bằng. B. Đông Khê. C. Thất Khê. D. Na Sầm.

**Câu 26**. Chiến dịch Biên giới năm 1950 là chiến dịch đầu tiên ta

A. chủ động phòng ngự quân Pháp. B. chủ động tiến công quân Pháp.

C. bị động phòng ngự trên các mặt trận. D. chủ động tiến công trên toàn mặt trận.

**Câu 27**. Kết quả lớn nhất mà ta giành được sau chiến dich Biên giới năm 1950 là

A. ta giải phóng biên giới Việt – Trung, khai thông liên lạc với bên ngoài.

B. ta giành được thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.

C. bộ đội ta trưởng thành trong quá trình chiến đấu.

D. tiêu diệt 8000 tên địch, thu hơn 3000 tấn vũ khí và phương tiện.

**Câu 28**. Trong kháng chiến chống Pháp, chiến dịch nào ta chủ động tiến công quân Pháp?

A. Chiến dịch Việt Bắc năm 1947. B. Chiến dịch Biên giới năm 1950.

C. Chiến dịch Tây Bắc năm 1952. D. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

**Câu 29**. Sự kiện nào sau đây có ý nghĩa to lớn tới cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta?

A. Tháng 10/1949, nội chiến cách mạng Trung Quốc bắt đầu.

B. Trung Quốc, Liên Xô công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

C. Mĩ quyết định tham chiến vào cuộc chiến tranh ở Đông Dương.

D. Pháp thực hiện kế hoạch Revers, chuẩn bị tiến công lên Việt Bắc.

**Câu 30**. Vì sao ta mở chiến dịch Biên giới 1950?

A. Tạo điều kiện để thúc đẩy kháng chiến phát triển.

B. Giành và giữ thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.

C. Đánh bại các chiến lược chiến tranh mới của Pháp.

D. Khai thông biên giới, củng cố và mở rộng căn cứ Việt Bắc.

**Câu 31**. Chiến thắng đèo Bông Lau (30-10-1947) diễn ra tại mặt trận

A. đường số 3. B. đường số 4. C. sông Lô. D. sông Cầu.

**Câu 32**. Âm mưu của Mĩ khi tiến hành can thiệp vào cuộc chiến tranh Đông Dương là

A. giúp Pháp nhanh chóng kết thúc chiến tranh Đông Dương.

B. từng bước gạt Pháp, nắm quyền điều khiển chiến tranh ở Đông Dương.

C. biến Đông Dương thành căn cứ quân sự, làm bàn đạp tấn công Trung Quốc.

D. thực hiện thí điểm chiến lược “Ngăn chặn” của Truman.

**Câu 33**. Nội dung chính của kế hoạch Revers của Pháp là

A. tăng cường hệ thống phòng ngự trên đường số 4, thiết lập “hành lang Đông - Tây”.

B. tăng cường hệ thống phòng ngự trên đường số 4, đánh phá hậu phương của ta.

C. tăng cường hệ thống phòng ngự trên đường số 4, xây dựng các đội quân cơ động chiến lược.

D. tăng cường hệ thống phòng ngự trên đường số 4, tiến công chiến lược ở miền Trung và Nam.

**Câu 34**. Âm mưu của Pháp khi thực hiện kế hoạch Revers là

A. phá hủy căn cứ địa Việt Bắc, đánh nhanh thắng nhanh kết thúc chiến tranh.

B. bảo vệ vùng trung du và đồng bằng Liên khu 3, 4.

C. giành thế chủ động tại đồng bằng Bắc Bộ.

D. bao vây cô lập Việt Bắc, chuẩn bị tấn công Việt Bắc kết thúc chiến tranh.

**Câu 35**. Khẩu hiệu nào dưới đây được nêu ra trong chiến dịch Biên giới thu đông 1950?

A. “phải phá tan cuộc tấn công mùa đông Pháp”. B. “ Tất cả để đánh thắng giặc Pháp xâm lược”.

C. “Tất cả cho chiến dịch được toàn thắng!”. D. “ Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng”.

**Câu 36**. Trận đánh có tính chất quyết định trong chiến dịch Biên giới thu đông 1950 là

A. trận đánh ở Cao Bằng. C. trận đánh ở Thất Khê.

B. trận đánh ở Đông Khê. D. trận đánh ở Đình Lập.

**Câu 37**. Chiến dịch nào dưới đây thể hiện cách đánh du kích ngắn ngày của ta?

A. Cuộc chiến đấu ở các đô thị năm 1946. B. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947.

C. Chiến dịch biên giới thu - đông 1950. D. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

**Câu 38**. Chiến dịch nào dưới đây thể hiện các đánh diệt viện của ta?

A. Chiến dịch Hòa Bình. B. Chiến dịch Tây Bắc

C. Chiến dịch Việt Bắc. D. Chiến dịch Biên giới

**Câu 39**. “Không! Chúng ta thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.” Câu văn trên trích trong văn bản nào?

A. Tuyên ngôn độc lập. B. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

C. Lời kêu gọi nhân ngày thành lập Đảng. D. Tuyên ngôn lập Việt Minh.

**Câu 40**. “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh!” là lời khen ngợi của Hồ Chủ tịch đối với

A. Đội Cứu quốc quân. B. Trung đoàn Thủ đô.

C. Việt Nam giải phóng quân. D. Vệ Quốc quân.

**Câu 41**. Sau khi kế hoạch Revers thất bại Pháp tiếp tục thực hiện kế hoạch

A. Bolaer. B. De Lattre de Tassigny. C. Navarre. D. De Castries.

**Câu 42**. Với kế hoạch De Lattre de Tassigny, Pháp đã

A. đưa cuộc chiến tranh Đông Dương lên quy mô lớn, làm cho ta gặp nhiều khó khăn.

B. đẩy cuộc chiến tranh lên quy mô lớn, nhanh chóng kết thúc chiến tranh Đông Dương.

C. thể hiện nguy cơ thua trận của Pháp, cần có sự giúp đỡ của Mỹ để tiếp tục chiến tranh.

D. lâm vào thế bị động phòng ngự, bị động trên tất cả các mặt trận.

**Câu 43**. Việc Mỹ ký với Pháp Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương (9/1951) đã chứng tỏ điều gì?

A. Mỹ chính thức xâm lược Đông Dương. B. Mĩ từng bước thay chân Pháp ở Đông Dương.

C. Mỹ hất cẳng Pháp độc chiếm Đông Dương. D. Mỹ bước chân vào nhòm ngó Đông Dương.

**Câu 44**. Mỹ kí với Bảo Đại Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt Nam nhằm mục đích

A. gián tiếp viện trợ cho Bảo Đại về kinh tế. B. trực tiếp viện trợ cho Bảo Đại về kinh tế.

C. trực tiếp ràng buộc chính phủ Bảo Đại. D. từng bước can thiệp vào Đông Dương.

**Câu 45**. Sự can thiệp vào chiến tranh Đông Dương của Mỹ sau thất bại của Pháp ở Biên giới là

A. đưa quân viễn chinh Mỹ vào Đông Dương thay quân Pháp.

B. kí với Bảo Đại hiệp ước hợp tác kinh tế Việt - Mỹ tháng 9-1951

C. buộc Pháp phải thay đổi tổng chỉ huy quân đội viễn chinh.

D. đặt phái đoàn cố vấn viện trợ quân sự (MAAG) ở Việt Nam.

**Câu 46**. Mục đích chủ yếu của kế hoạch De Lattre de Tassigny là

A. tìm một thắng lợi lớn về quân sự, tạo điều kiện thuận lợi trên bàn đàm phán.

B. phá vỡ thế chủ động chiến lược của ta.

C. tìm cách kết thúc nhanh cuộc chiến tranh ở Đông Dương.

D. bao vây, tiêu diệt căn cứ địa Việt Bắc.

**Câu 47**. De Lattre de Tassigny thực hiện kế hoạch chiếm giữ đồng bằng Bắc Bộ bằng biện pháp

A. xây dựng tuyến boongke, lập “vành đai trắng’ bao quanh trung du và đồng bằng Bắc Bộ.

B. lập “vành đai trắng » bao quanh trung du và đồng bằng Bắc Bộ, đánh phá hậu phương của ta.

C. lập hành lang Đông - Tây cắt Liên khu III, IV với Việt Bắc, đánh phá hậu phương của ta.

D. tiến hành chiến tranh tổng lực, bình định vùng tạm chiếm, đánh phá vùng hậu phương của ta.

**Câu 48**. Khó khăn của ta khi Pháp thực hiện kế hoạch De Lattre de Tassigny là

A. phong trào đấu tranh du kích bị tan rã. B. vùng sau lưng địch luôn bị càn quét, nhiều cơ sở bị phá.

C. vùng tự do ngày càng bị thu hẹp. D. tiềm lực kinh tế kháng chiến bị phá hủy nghiêm trọng.

**Câu 49**. “Kế hoạch De Lattre de Tassigny” (12/1950) ra đời là kết quả của

A. việc Pháp và Mỹ cấu kết đẩy mạnh hơn nữa chiến tranh xâm lược Đông Dương.

B. sự can thiệp ngày càng sâu của Mỹ vào chiến tranh xâm lược Đông Dương.

C. sự “dính líu trực tiếp” của Mỹ vào cuộc chiến tranh Đông Dương.

D. sự cứu vãn tình thế sa lầy trên chiến trường của Pháp.

**Câu 50**. Văn kiện quan trọng thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960) là

A. Báo cáo chính trị và Bàn về cách mạng Việt Nam.

B. Báo cáo chính trị và Tuyên ngôn, chính cương, điều lệ mới.

C. Báo cáo tổng kết và Tuyên ngôn, chính cương, điều lệ mới.

D. Tuyên ngôn, chính cương, điều lệ mới.

**Câu 51**. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II đã quyết định tách Đảng Cộng sản Đông Dương và thành lập ở Việt Nam một Đảng riêng với tên gọi

A. Đảng Cộng sản Việt Nam. B. Đảng Lao động Việt Nam.

C. Đảng Dân chủ Việt Nam. D. Đảng Vô sản Việt Nam.

**Câu 52**. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II quyết định cơ quan ngôn luận Trung ương của Đảng là tờ báo

A. Thanh niên. B. Tiền phong, C. Lao động. D. Nhân dân.

**Câu 53**. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II là mốc đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình lãnh đạo và trưởng thành của Đảng ta vì

A. đã ra hoạt động công khai, lãnh đạo kháng chiến.

B. đã đổi tên Đảng và bầu Trường Chinh làm Tổng Bí thư.

C. đã xác định được nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam.

D. đã bầu ra Ban Chấp hành Trung ương gồm 19 ủy viên chính thức.

**Câu 54**. Để đảm bảo, tăng cường khôi đại đoàn kết toàn dân trong cuộc kháng chiến, Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt đã thông nhất thành

A. Mặt trận Dân chủ Việt Nam. B. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

C. Mặt trận Liên hiệp quốc dân Vịệt Nam. D. Mặt trận Việt Liên.

**Câu 55**. Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào được thành lập với mục đích

A. Phối hợp lực lượng quân sự ba nước Đông Dương chống Pháp.

B. tăng cường hơn nữa tình đoàn kết của ba nước Đông Dương.

C. ràng buộc nhân dân ba nước Đông Dương trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

D. chuẩn bị tổng tấn công quân Pháp trên toàn Đông Dương.

**Câu 56**. Để bồi dưỡng sức dân, nhất là nông dân, đầu năm 1953, Đảng và Chính phủ đã có chủ trương

A. đề ra cuộc vận động thực hành tiết kiệm.

B. phát động quần chúng triệt để giảm tô và cải cách ruộng đất.

C. đẩy mạnh sản xuất, chấn chỉnh chế độ thuế khoá.

D. phát động cuộc vận động lao động sản xuất.

**Câu 57**. “Phục vụ kháng chiến, phục vụ dân sinh, phục vụ sản xuất” là ba phương châm của công cuộc

A. vận động thực hiện đời sống mới. B. cải cách ruộng đất.

C. cải cách giáo dục. D. vận động y tế.

**Câu 58**. “Kháng chiến hoá văn hoá và văn hoá hoá kháng chiến” là lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh đốì với tầng lớp

A. bác sĩ. B. bộ đội. C. giáo viên. D. văn nghệ sĩ.

**Câu 59**. Nhiệm vụ chủ yếu, trước mắt của cách mạng Việt Nam trong Báo cáo chính trị do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày tại Đại hội Đảng lần thứ II là gì?

A. Đánh đổ đế quốc, phong kiến làm cách mạng dân tộc dân chủ.

B. Đánh đổ thực dân Pháp giành độc lập dân tộc.

C. Tiêu diệt thực dân Pháp và đánh bại bọn can thiệp Mỹ, giành thống nhất độc lập hoàn toàn, bảo vệ hòa bình thế giới.

D. Đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp có đế quốc Mỹ giúp sức, giành độc lập dân tộc, bảo vệ hòa bình thế giới.

**Câu 60**. Từ 1951 đến 1952, về chính trị có sự kiện gì quan trọng nhất?

A. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II (2-1951).

B. Đại hội thống nhất Việt minh –Liên việt (3-3-1951).

C. Đại hội thành lập “liên minh nhân dân Việt –Miên-Lào”.

D. Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ II (1952).

**Câu 61**. Những khó khăn của Pháp tại Đông Dương sau 8 năm tiến hành chiến tranh xâm lược là

A. ngân sách viện trợ của Mỹ ở Đông Dương giảm gần một nửa so với trước.

B. Hơn 39 vạn quân bị loại khỏi vòng chiến, vùng chiếm đóng thu hẹp, lâm vào thế phòng ngự bị động.

C. lực lượng bị tiêu hao nặng nề, không còn đủ sức để tiếp tục thực hiện những kế hoạch quân sự mới.

D. mất quyền chủ động chiến lược trên toàn chiến trường Đông Dương.

**Câu 62**. Nội dung nào sau đây thuộc về chủ trương của ta trong Đông - Xuân 1953 - 1954?

A. Trong vòng 18 tháng chuyển bại thành thắng.

B. Tiến công vào những hướng chiến lược quan trọng mà địch tương đối yếu.

C. Tránh giao chiến ở miền Bắc với địch để chuẩn bị đàm phán.

D. Giành thắng lợi nhanh chóng về quân sự trong Đông Xuân 1953 – 1954.

**Câu 63**. Kế hoạch Nava khi mới ra đời đã hàm chứa yếu tố thất bại vì

A. không đủ quân để tập trung binh lực xây dựng lực lượng cơ động.

B. bị mất quyền chủ động chiến lược trên toàn chiến trường Đông Dương.

C. ra đời trong thế bị động, mâu thuẫn giữa tập trung và phân tán đang sâu sắc.

D. phong trào chiến tranh du kích tại Việt Nam đang phát triển.

**Câu 64**. Nội dung cơ bản của kế hoạch Nava trong thu - đông 1953 và xuân 1954 (bước thứ nhất) là

A. tiến công chiến lược ở miền Trung giành lấy nguồn nhân lực, vật lực cung ứng cho chiến tranh.

B. giữ thế phòng ngự chiến lược ở miền Bắc, tập trung binh lực xây dựng lực lượng cơ động mạnh.

C. tăng cường bắt lính, tăng nhanh lực lượng ngụy quân, tiến cồng chiến lược ở miền Bắc.

D. mở các cuộc hành quân càn quét, tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta, mở rộng vùng chiếm đóng.

**Câu 65**. Nội dung cơ bản của kế hoạch Nava từ thu - đông 1954 (bước thứ hai) là

A. tấn công lên Việt Bắc, tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến của ta, kết thúc chiến tranh.

B. tiến công chiến lược ở miền Bắc, phòng thủ chiến lược ở miền Nam, củng cốvùng Tây Bắc.

C. xây dựng Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm mạnh, thu hút bộ đội Việt Minh đến tiêu diệt.

D. tiến công chiến lược ở miền Bắc, giành thắng lợi quyết định về quân sự, tạo thế mạnh đàm phán.

**Câu 66.** Mục đích của kế hoạch Nava là

A. thực hiện chính sách đánh nhanh thắng nhanh, kết thúc chiến tranh trong danh dự.

B. trong vòng 18 tháng giành một thắng lợi quân sự quyết định, kết thúc chiến tranh trong danh dự.

C. củngcốthế chủ động chiến lược tại đồng bằng Bắc Bộ.

D. giành lại quyền chủ động chiến lược trên chiến trường Đông Dương.

**Câu 67**. Kết quả lớn nhất của cuộc tiến công chiến lược đông - xuân 1953 - 1954 là

A. làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Nava.

B. chuẩn bị về vật chất, tinh thần cho ta mở cuộc tiến công vào Điện Biên Phủ.

C. củng cố quyền chủ động chiến lược của ta trên chiến trường chính Bắc Bộ.

D. mở rộng căn cứ kháng chiến của nhân dân Lào.

**Câu 68**. Trong kế hoạch Navarre, Pháp tập trung quân ở

A. Đồng bằng Bắc Bộ. B. Nam Trung Bộ. C. Tây Nguyên. D. Nam Đông Dương.

**Câu 69**. Các điểm tập trung quân của Pháp sau cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 là

A. đồng bằng Bắc Bộ; Điện Biên Phủ, Seno, Luang Prabang và Muang Xay, Kom Tum.

B. đồng bằng Bắc Bộ; Điện Biên Phủ, Seno, Luang Prabang và Phongsali, Pleiku.

C. đồng bằng Bắc Bộ; Điện Biên Phủ, Thakhek, Luang Prabang và Muang Xay, Pleiku.

D. đồng bằng Bắc Bộ; Điện Biên Phủ, Seno, Luang Prabang và Muang Xay, Pleiku.

**Câu 70**. Người chỉ huy quân Pháp ở tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ là

A. De Lattre de Tassigny. B. Henri Navarre.

C. Christian de Castries. D. Charles Piroth.

**Câu 71**. Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ được chia thành

A. 45 cứ điểm và ba phân khu. B. 50 cứ điểm và ba phân khu.

C. 49 cứ điểm và ba phân khu. D. 55 cứ điểm và ba phân khu.

**Câu 72**. Trước tình hình sa lầy và thất bại của Pháp, thái độ của Mỹ đối với cuộc chiến tranh Đông Dương như thế nào?

A. Chuẩn bị can thiệp vào chiến tranh Đông Dương. B. Bắt đầu can thiệp vào Đông Dương.

C. Can thiệp sâu vào Đông Dương. D. Không can thiệp vào Đông Dương.

**Câu 73**. Tại sao Pháp quyết định xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương?

A. Do vị trí chiến lược quan trọng của Điện Biên Phủ.

B. Do bị ta đánh bại ở đồng bằng Bắc Bộ.

C. Do chủ quan cho rằng ta không thể đưa quân lên Điện Biên Phủ.

D. Do sự cố vấn của Mỹ.

**Câu 74**. Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, ta đã bắt sống được tướng Pháp nào?

A. Philippe Leclerc. . B. H. Navarre. C. De Gaulle. D. De Castrie.

**Câu 75**. Vì sao Pháp – Mỹ đánh giá Điện Biên Phủ là “Pháo đài bất khả xâm phạm”?

A. Điện Biên Phủ nằm vị trí chiến lược trọng yếu, quan trọng, phòng thủ kiên cố, tập trung đông quân, được trang bị vũ khí hiện đại.

B. Điện Biên Phủ là hệ thống phòng thủ kiên cố được xây dựng giữa địa hình hiểm trở, quân ta không thể tiến công vào.

C. Điện Biên Phủ là hệ thống công sự được dựng lên trong địa hình lòng chảo, quân ta nếu tiến vào đây ngay lập tức bị nghiền nát.

D. Điện Biên Phủ là căn cứ địa quan trọng được cả Pháp và Mỹ tập trung toàn lực ở đây, trang bị vũ khí hiện đại.

**Câu 76**. Mục tiêu của ta ở chiến dịch Điện Biên Phủ là

A. tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào.

B. đánh phá kho hậu cần, sân bay, cô lập Điện Biên Phủ với đồng bằng Bắc Bộ.

C. giam chân địch tại Điện Biên Phủ, tạo điều kiện cho các chiến trường khác giành thắng lợi.

D. tiêu hao lực lượng địch, mở rộng quyền chủ động chiến lược trên chiến trường Đông Dương.

**Câu 77**. Tại sao cả ta và Pháp đều chọn Điện Biên Phủ là điểm quyết chiến chiến lược?

A. Đây là tập đoàn cứ điểm mạnh, có vị trí then chốt cần được giữ vững.

B. Điện Biên Phủ là một trong những điểm trọng tâm của kế hoạch Navarre.

C. Điện Biên Phủ xa căn cứ của ta nên khả năng tiếp tế khó khăn.

D. Cả hai bên đều phải giành chiến thắng quân sự tiến tới hội nghị Paris

**Câu 78**. Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ đã

A. làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Navarre. B. làm bước đầu phá sản kế hoạch Navarre.

C. thất bại cơ bản kế hoạch Navarre. D. buộc Pháp phải rút quân khỏi Việt Nam.

**Câu 79**. Để cứu nguy cho Pháp trong cuộc chiến ở Điện Biên Phủ, Mĩ đã từng đe dọa

A. đưa quân Mĩ tới Điện Biên Phủ. B. cho máy bay dội bom Điện Biên Phủ.

C. ném bom nguyên tử ở Điện Biên Phủ. D. sẽ thay thế Pháp ở Đông Dương.

**Câu 80**. Chiến thắng Điện Biên Phủ đã

A. buộc quân Pháp đầu hàng không điều kiện.

B. buộc Pháp – Mĩ phải rút quân về nước.

C. buộc Pháp – Mỹ từ bỏ ý định xâm lược Việt Nam.

D. xoay chuyển cục diện chiến tranh Đông Dương.

**Câu 81**. Sự kiện lịch sử diễn ra vào lúc 17 giờ 30 ngày 7/5/1954 tại Điện Biên Phủ là

A. tướng De Castrie cùng toàn bộ Ban tham mưu tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ bị bắt.

B. Đồi A1 bị phá hủy.

C. sân bay Mường Thanh bị ta phá hủy.

D. ta bắt đầu tổng công kích tiêu diệt các cứ điểm còn lại của địch ở Điện Biên Phủ.

**Câu 82**. Khẩu hiệu mà ta nêu ra trong chiến dịch Điện Biên Phủ là gì?

A. “Tất cả cho chiến dịch được toàn thắng”.

B. Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không để mất nước!”.

C. “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng!”.

D. “Phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của Pháp”.

**Câu 83**. Nội dung nào sau đây **không** đúng với ý nghĩa của chiến thắng Điện Biên Phủ?

A. Đập tan hoàn toàn kế hoạch quân sự Navarre.

B. Giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp.

C. Tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao của ta giành thắng lợi.

D. Đánh dấu cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta kết thúc thắng lợi.

**Câu 84**. Chiến thắng nào đã xoay chuyển cục diện trên bàn đàm phán hội nghị Geneva?

A. Chiến thắng Biên giới. B. Chiến thắng Tây Bắc.

C. Chiến thắng Điện Biên Phủ. D. Chiến thắng Đông – Xuân.

**Câu 85**. Nguyên nhân cơ bản quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)?

A. Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chính trị, quân sự và đường lối kháng chiến đúng đắn.

B. Có hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân, mặt trận dân tộc thống nhất, lực lượng vũ trang sớm được xây dựng và hậu phương vững chắc.

C. Sự đồng tình ủng hộ của Trung Quốc, Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân, của nhân dân Pháp và loài người tiến bộ.

D. Toàn dân, toàn quân ta đoàn kết dũng cảm trong chiến đấu, lao động, sản xuất.

**Câu 86**. Ý nghĩa cơ bản của chiến thắng Điện Biên Phủ 1954 là gì?

A. Thắng lợi lớn nhất của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ.

B. Được ghi vào lịch sử dân tộc như một Bạch Đằng, một Chi Lăng, một Đống Đa của thế kỉ XX.

C. Góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.

D. Cổ vũ các dân tộc bị áp bức đứng lên đấu tranh giải phóng mình.

**Câu 87**. Lấy thân mình lấp lỗ châu mai là hành động của anh hùng nào trong chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ?

A. Bế Văn Đàn. B. Phan Đình Giót. C. Tô Vĩnh Diện. D. La Văn Cầu.

**Câu 88**. Thắng lợi quyết định nhất trong cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta thể hiện trên mặt trận nào?

A. Chính trị. B. Quân sự. C. Ngoại giao. D. Kinh tế, văn hóa.

**Câu 89**. Hãy cho biết câu nói sau đây của ai: “Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh . . .” ?

A. Võ Nguyên Giáp. B. Trường Chinh. C. Hồ Chí Minh. D. Phạm Văn Đồng.

**Câu 90**. Nội dung các quyền dân tộc cơ bản của 3 nước Đông Dương được các nước tham dự Hội nghị Geneva cam kết tôn trọng là

A. tự do lựa chọn con đường phát triển của quốc gia. B. tự do, thống nhất, dân sinh và dân chủ.

C. độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. D. độc lập, tự do, hạnh phúc.

**Câu 91**. Hội nghị nào được triệu tập để bàn về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương?

A. Geneva. B. Paris. C. Đà Lạt. D. Fontainebleau.

**Câu 92**. Bước vào Đông - Xuân 1953-1954, để mở ra khả năng giải quyết bằng con đường hoà bình cuộc chiến tranh ở Đông Dương, ta chủ trương

A. phát động chiến tranh du kích, tiêu diệt nhiều đồn bốt vùng sau lưng địch.

B. đình chiến trên chiến trường, tập ưung vào hoạt động thương lượng, đàm phán.

C. kêu gọi sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế, của các nước trong phe xã hội chủ nghĩa.

D. đẩy mạnh cuộc đấu tranh ngoại giao đồng thời với cuộc tiến công quân sự.

**Câu 93**. Nội dung các quyền dân tộc cơ bản của 3 nước Đông Dương được các nước tham dự Hội nghị Geneva kết tôn trọng là

A. tự do lựa chọn con đường phát triển của quốc gia. B. tự do, thống nhất, dân sinh và dân chủ.

C. độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. D. độc lập, tự do, hạnh phúc.

**Câu 94**. Nội dung cơ bản nhất của Hiệp định Geneva năm 1954 về Đông Dương là

A. các bên tham chiến thực hiện ngừng bắn, lập lại hoà bình.

B. các nước ngoài không được đặt căn cứ quân sự ở Đông Dương.

C. các nước ngoài không được đưa quân đội, nhân viên quân sự vào ba nước Đông Dương.

D. các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương.

**Câu 95**. Theo Hiệp định Geneva năm 1954 về Đông Dương, vĩ tuyến 17 dọc theo sông Bến Hải - Quảng Trị được lấy làm giới tuyến quân sự tạm thời trong thời gian

A. 2 năm. B. 3 năm. C. 20 năm. D. 21 năm.

**Câu 96**. Hiệp định Geneva năm 1954 về Đông Dương quy định việc thống nhất đất nước Việt Nam sẽ được tiến hành bằng hình thức

A. sáp nhập miền Bắc vào miền Nam. B. sáp nhập miền Nam vào miền Bắc.

C. tổng tuyển cử tự do trong cả nước. D. trưng cầu dân ý ở cả hai miền.

**Câu 97**. Ý nghĩa quốc tế của Hiệp định Geneva năm 1954 về Đông Dương là

A. góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa, phá vỡ phòng tuyến ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản của đế quốc ở Đông Nam Á.

B. đẩy Pháp - Mĩ vào tình thế khó khăn, làm thay đổi cục diện chính trị của chủ nghĩa đế quốc.

C. góp phần làm đảo lộn chiến lược toàn cầu phản cách mạng của Mĩ.

D. góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa, giáng đòn nặng nề vào âm mưu xâm lược của đế quốc thực dân.

**Câu 98**. Đối với cách mạng Việt Nam, Hiệp định Geneva năm 1954 về Đông Dương có ý nghĩa là

A. đánh dấu cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi, miền Bắc hoàn toàn giải phóng.

B. cuộc chiến tranh cách mạng vì độc lập và thống nhất đất nước giành được thắng lợi hoàn toàn.

C. mốc đánh dấu cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đã hoàn thành trong cả nước.

D. tạo nên một bước chuyển căn bản có tính chất chiến lược trong so sánh lực lượng giữa ta với Pháp.

**Câu 99**. Hãy điền vào chỗ trống câu sau đây: “Chiến thắng Điện Biên Phủ ghi vào lịch sử dân tộc như:…………………của thế kỉ XX”.

A. một Chi Lăng, một Xương Giang, một Đống Đa.

B. một Ngọc Hồi, một Hà Hồi, một Đống Đa.

C. một Bạch Đằng, một Rạch Gầm-Xoài Mút, một Đống Đa.

D. một Bạch Đằng, một Chi Lăng, một Đống Đa.

**Câu 100**. Sự kiện nào kết thúc cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược (1945 – 1954)?

A. Thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ.

B. Bộ đội Việt Nam tiến vào tiếp quản Hà Nội.

C. Hiệp định Geneva 1954 về Đông Dương kí kết.

D. Quân Pháp xuống tàu rút khỏi Hải Phòng.

**🙙 ☺ 🙛**